TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 7 - 2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Thắm
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Quốc Tiến
2. Bà Huỳnh Yến Trinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 460/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Phùng Thị Mỹ T**, sinh năm 1996 (có mặt)
Hộ khẩu thường trú: đường N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.
Chỗ ở hiện nay: Ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn P**, sinh năm 1992 (vắng mặt)
Địa chỉ: đường N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/5/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Phùng Thị Mỹ T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn P quen biết thông qua sự mai mối, hai bên tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/6/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống ở bên nhà chồng tại đường N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến khoảng tháng

5/2021 bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh P thường xuyên nhậu nhẹt, mắng chửi chị và không chăm lo cuộc sống gia đình dẫn đến tình cảm rạn nứt. Vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 03/9/2015. Từ tháng 5/2021 chị đem con về Sóc Trăng sinh sống và vợ chồng ly thân cho đến nay.

Chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn P; Về con chung: Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con sau khi ly hôn và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn P là bị đơn: Không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Tòa án xem xét.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án, xem xét việc thụ lý vụ án, cấp tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng và tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn đã được tống đạt hợp lệ nhưng không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Phùng Thị Mỹ T được ly hôn với anh Nguyễn Văn P; Về con chung: Đề nghị giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung, chị T không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Thủ tục tố tụng:*

Chị Phùng Thị Mỹ T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, con chung với anh Nguyễn Văn P; đây là tranh chấp về ly hôn và nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn P là bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Nguyễn Văn P như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về

phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; tuy nhiên, anh P không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, không nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không đến Tòa án để tham gia phiên họp, hòa giải là không thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do chị T giao nộp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặc khác, anh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan;căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh P.

[2] *Nội dung vụ án:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị Mỹ T và anh Nguyễn Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã được Ủy ban nhân dân xã Đại Ân 1, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/6/2015 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Tại phiên toà, chị T xác định nguyên nhân yêu cầu ly hôn là vì giữa chị và anh P không còn tình cảm, đời sống hôn nhân không hạnh phúc; vợ chồng sống ly thân từ khoảng tháng 5/2021 cho đến nay và không bên nào có thiện chí hàn gắn tình cảm. Như vậy xét thấy giữa hai vợ chồng không có điều kiện để quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, hôn nhân giữa chị T và anh P không đảm bảo theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thủ tục hòa giải để giải quyết mâu thuẫn, tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt kết quả do anh P vắng mặt. Điều này cho thấy tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa hôm nay, chị T xác định giữ nguyên ý kiến muốn chấm dứt hôn nhân với anh P, Hội đồng xét xử dựa trên nguyên tắc tự nguyện trong hôn nhân, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh P.

Về con chung: Quá trình chung sống chị T và anh P có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 03/9/2015, hiện do chị T trực tiếp chăm sóc; chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy về phía anh P không có ý kiến gì đối với việc nuôi dưỡng con; chị T xác định có đủ điều kiện chăm sóc tốt cho con về mọi mặt; ngoài ra để cháu H tiếp tục ổn định với sự chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hiện tại và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu H nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu H cho chị T được trực

tiếp nuôi dưỡng là đúng với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu.

Chị T cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở anh P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Trường hợp anh P lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh P.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

Từ những nhận định trên, trong thảo luận nghị án Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, cũng như ý kiến đề xuất của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên cần được chấp nhận.

[3] *Án phí sơ thẩm:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phùng Thị Mỹ T được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 03/9/2015 cho chị Phùng Thị Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở anh P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Trường hợp anh P lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh P.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Phùng Thị Mỹ T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004787 ngày 28/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; đương sự có mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Hoàng Hồng Thắm

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp Rạch Giá;
- THADS Tp Rạch Giá;
- UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu.